TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh ngày 02/11/1996; Căn cước công dân số: 042196001921, cấp ngày 21/04/2022; Nơi cư trú: Số nhà A đường L, phường T, tỉnh Hà Tĩnh (Số nhà A đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh cũ), có đơn xin vắng mặt;

Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh ngày 16/12/1996; Căn cước công dân số: 044096008016; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã P, tỉnh Quảng Trị (Thôn B xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện cư trú tại: Đài Loan, vắng mặt.

Thân nhân của anh Hoàng Văn N: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965 (mẹ đẻ của anh N); Nơi cư trú: Thôn B, xã P, tỉnh Quảng Trị (Thôn B xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/3/2025 và Bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Hoàng Văn N có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Quảng

Bình vào ngày 02/02/2017 (nay xã P, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn vợ chồng vào miền N thuê nhà trọ sinh sống và làm công nhân, được khoảng 1 năm thì chị T mang thai con đầu lòng nên hai vợ chồng quyết định trở về nhà chồng sinh sống. Sau khi về quê được khoảng 3 tháng thì anh N đi lao động tại Nhật Bản với thời hạn 7 tháng sau đó về nước. Đầu năm 2020, anh N làm thủ tục đi du lịch tại Đài Loan, khi hết thời hạn du lịch không về nước mà trốn ở lại để làm việc, khi anh N đi Đài Loan thì chị T và con trai cũng chuyển về nhà cha mẹ đẻ ở thành phố H sinh sống từ đó cho đến nay. Thời gian đầu anh N còn gọi điện về hỏi thăm vợ con và gửi tiền về nuôi con, nhưng sau đó thưa dần, ít gọi điện và gửi tiền. Chị T biết anh N có quan hệ yêu đương với người phụ nữ khác nên hai vợ chồng xảy ra tranh cãi kịch liệt một thời gian dài. Sau đó, anh N không nghe điện thoại, cũng không gọi điện và gửi tiền về cho nuôi con như trước nữa, do mâu thuẫn không được hóa giải nên từ năm 2021 đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì nhau, cuộc sống của ai người đó lo. Hiện nay chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân hạnh phúc không đạt được nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N để chị sớm ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày vợ chồng có 01 con chung cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 10/8/2018 hiện nay đang sinh sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh người thân của bị đơn anh N (là bà Nguyễn Thị N1 mẹ đẻ anh N), nhưng người thân cho biết anh N hiện đang làm ăn, sinh sống ở Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án tại trụ sở Tòa án, tại UBND xã X, và đề nghị niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ theo quy định nhưng không có kết quả, đồng thời thông báo qua kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đ, ngày 04/8/2025, Đ VOV5 đã thông báo trên kênh thông tin dành cho người Việt Nam ở nước ngoài các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Hoàng Văn N, nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được ý kiến của anh N đối với yêu cầu của chị T

- *Ý kiến của người thân bị đơn:* Tại biên bản xác minh ngày 17/4/2025 bà Nguyễn Thị N1 (mẹ đẻ anh N) trình bày: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị Lệ T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã P, tỉnh Quảng Trị). Tháng 2/2020, con trai bà là anh Hoàng Văn N xuất khẩu lao động đi Đài Loan, bà không biết địa chỉ nên không cung cấp được địa chỉ cụ thể cho

Tòa án. Anh N vẫn liên lạc về cho gia đình trao đổi qua điện thoại. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh N được biết, anh N đã biết được việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh N và chị T. Tuy nhiên, anh N đi làm ăn bất hợp pháp nên không thể ghi ý kiến về được, nhưng anh N cũng đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị Lệ T.

- *Ý kiến của con:* Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 28/7/2025 của cháu Hoàng Duy K, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ T, xử cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn N. Về con chung: Giao cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 10/8/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí sơ thẩm và lệ phí buộc chị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lệ T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Văn N đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q thì anh N đã xuất nhập cảnh ngày 12/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án có bị đơn là công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh người thân của anh Hoàng Văn N, nhưng gia đình anh N chỉ biết anh N hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan mà không biết địa chỉ cụ thể, nên Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho gia đình bị đơn anh N và niêm yết tại địa chỉ nơi cư trú của anh N trước khi xuất cảnh. Tòa án đã có Văn bản số 1473/CV-TA ngày 11/6/2025 gửi Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ yêu cầu niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở để thu thập ý kiến, yêu cầu của anh N đối với yêu cầu của chị T. Tòa án đã thông báo qua kênh Đ VOV5 và

đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn anh Hoàng Văn N không có ý kiến gì. Tòa án đã thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 19/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, nhưng anh Hoàng Văn N vắng mặt không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa. Do thân nhân của anh N không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh N, nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn chị T có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ các Điều 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Hoàng Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/02/2017 (nay là xã P, tỉnh Quảng Trị) đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh Nam sinh được 1 con chung. Đầu năm 2020, anh N làm thủ tục đi Đài Loan, chị T và con trai cũng chuyển về nhà cha mẹ đẻ ở thành phố H sinh sống từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống xa nhau, thiếu sự tin tưởng về vật chất lẫn tinh thần, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không có hướng giải quyết, vợ chồng không còn quan tâm gì nhau, ai biết cuộc sống của người đó. Hiện nay chị T thấy mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân hạnh phúc không đạt được, chị T kiên quyết xin ly hôn với anh Hoàng Văn N. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lệ T, cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn N là phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Hoàng Văn N có một con chung cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 10/8/2018. Xét thấy, cháu K đã sống với chị T từ khi anh N đi xuất khẩu lao động đến nay. Nguyện vọng của chị T mong muốn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cháu K cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Mặt khác, do hiện nay anh N đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu K. Giao cháu Hoàng Duy K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Hoàng Văn N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 238, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn anh Hoàng Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 10/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005318 ngày 26/3/2025 của Cục Thi hành án dân tỉnh Quảng Bình nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 2.900.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 650.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ), xác nhận chị T đã nộp đủ tại Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết; bị đơn anh Hoàng Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

đã ký

Nguyễn Thái Sơn